

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6  
TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022-2023 KHỐI 6**

**MÔN NGỮ VĂN - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| TT          | Kĩ năng                    | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                     | Mức độ nhận thức |    |            |    |          |    |              |    | Tổng % điểm |
|-------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|-------------|
|             |                            |                                                                               | Nhận biết        |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |             |
|             |                            |                                                                               | TNKQ             | TL | TNKQ       | TL | TNKQ     | TL | TNKQ         | TL |             |
| 1           | Đọc hiểu                   | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..                                    | 3                | 0  | 5          | 0  | 0        | 2  | 0            |    | 60          |
| 2           | Viết ( Chọn 1 trong 2 đề ) | Kể lại một truyện dân gian (cổ tích/ truyền thuyết) mà em đã học hoặc đã đọc. | 0                | 1* | 0          | 1* | 0        | 1* | 0            | 1* | 40          |
| Tổng        |                            |                                                                               | 15               | 5  | 25         | 15 | 0        | 30 | 0            | 10 | 100         |
| Tỉ lệ %     |                            |                                                                               | 20               |    | 40         |    | 30       |    | 10           |    |             |
| Tỉ lệ chung |                            |                                                                               | 60%              |    |            |    | 40%      |    |              |    |             |

- **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**MÔN TOÁN - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| TT                | Chủ đề                                            | Nội dung/Đơn vị kiến thức                                                         | Mức độ đánh giá      |                    |                         |                    |          |                  |                   |          | Tổng % điểm |
|-------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|----------|------------------|-------------------|----------|-------------|
|                   |                                                   |                                                                                   | Nhận biết            |                    | Thông hiểu              |                    | Vận dụng |                  | Vận dụng cao      |          |             |
|                   |                                                   |                                                                                   | TNKQ                 | TL                 | TNKQ                    | TL                 | TNKQ     | TL               | TNKQ              | TL       |             |
| 1                 | Chương 1: Số tự nhiên (16 tiết)                   | Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên | 2<br>(TN1,2)<br>0,5đ | 2<br>(TL1,2)<br>2đ | 2<br>(TN4, TN5)<br>0,5đ |                    |          | 1<br>(TL3)<br>1đ |                   |          | 7,25        |
|                   |                                                   | Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên.                                      | 1<br>(TN3)<br>0,25đ  |                    |                         | 2<br>(TL4,5)<br>2đ |          |                  | 1<br>(TL6)<br>1 đ |          |             |
| 2                 | Chương 3: Các hình phẳng trong thực tiễn (8 tiết) | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.                                           | 1<br>(TN6)<br>0,25đ  |                    |                         | 1<br>(TL7)<br>1đ   |          |                  |                   |          | 2,75        |
|                   |                                                   | Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.                         | 2<br>(TN7,8)<br>0,5đ |                    |                         |                    |          | 1<br>(TL8)<br>1đ |                   |          |             |
| Tổng: Số câu Điểm |                                                   |                                                                                   | 6<br>1,5đ            | 2<br>2đ            | 2<br>0,5đ               | 3<br>3,5đ          |          | 2<br>2đ          |                   | 1<br>1 đ | 16<br>10,0đ |
| Tỉ lệ %           |                                                   |                                                                                   | 35%                  |                    | 35%                     |                    | 20%      |                  | 10%               |          | 100%        |
| Tỉ lệ chung       |                                                   |                                                                                   | 70%                  |                    |                         |                    | 30%      |                  |                   |          | 100%        |

**MÔN TIẾNG ANH – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

| STT         | Dạng bài        | Chuẩn kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mức độ    |    |            |    |          |    |              |    | Số câu | Điểm số |
|-------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|--------|---------|
|             |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |        |         |
|             |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TL        | TN | TL         | TN | TL       | TN | TL           | TN |        |         |
| I           | Multiple choice | -Preposition (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           | 2  |            |    |          |    |              |    | 16     | 4.0     |
|             |                 | -Pronunciation (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           | 1  |            | 1  |          |    |              |    |        |         |
|             |                 | - Stress (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |    |            |    |          | 2  |              |    |        |         |
|             |                 | -Vocabulary (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           | 1  |            | 1  |          | 1  |              |    |        |         |
|             |                 | -Grammar (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           | 1  |            | 2  |          |    |              |    |        |         |
|             |                 | -Language function (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           | 1  |            |    |          | 1  |              |    |        |         |
|             |                 | -Signs (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 1  |            | 1  |          |    |              |    |        |         |
| II          | Reading         | -Passage 1: cloze test (6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 3  |            | 2  |          | 1  |              |    | 12     | 3.0     |
|             |                 | -Passage 2: true/false (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 1  |            | 1  |          | 1  |              | 1  |        |         |
|             |                 | : Multiple choice (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           | 1  |            | 1  |          |    |              |    |        |         |
| III         | Writing         | -Word form (6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3         |    | 1          |    | 1        |    | 1            |    | 6      | 1.5     |
|             |                 | -Rearrange the words or phrases (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |    | 1          |    |          |    | 1            |    | 2      | 0.5     |
|             |                 | -sentence transformation (4)<br>*There is/are and Have/has/ have got/has got<br>* Possessions : poss. Adjs, of, poss. case ‘s<br>* Positions of Adjs<br>* Superlative of Adjs<br><br>* Hobbies and interests: like, don’t/doesn’t like, dislike, (don’t/doesn’t) love/(don’t/ doesn’t) hate, (don’t/ doesn’t) enjoy, be (not) into, favourite, be (not) interested in/ keen on/ fond of | 1         |    | 1          |    | 1        |    | 1            |    | 4      | 2.0     |
|             |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |    |            |    |          |    |              |    |        |         |
| Tổng số câu |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 16        |    | 12         |    | 8        |    | 4            |    | 40     |         |
| Tổng điểm   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4.0       |    | 3.0        |    | 2.0      |    | 1.0          |    |        | 10.0    |
| Tỉ lệ %     |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 40%       |    | 30%        |    | 20%      |    | 10%          |    | 100%   |         |

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT**

| Chủ đề                                 | MỨC ĐỘ    |             |            |             |          |             |              |             | Tổng số câu/số ý |             | Điểm số   |
|----------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|----------|-------------|--------------|-------------|------------------|-------------|-----------|
|                                        | Nhận biết |             | Thông hiểu |             | Vận dụng |             | Vận dụng cao |             |                  |             |           |
|                                        | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận    | Trắc nghiệm | Tự luận  | Trắc nghiệm | Tự luận      | Trắc nghiệm | Tự luận          | Trắc nghiệm |           |
| 1. Mở đầu (7 tiết)                     |           | 5           |            | 2           |          |             |              |             |                  | 7           | 1,75      |
| 2. Chủ đề 1: Các phép đo (10 tiết)     |           | 3           | 1 (2 ý)    | 1           | 2 (2 ý)  |             | 1 (1 ý)      |             | 3 (4 ý)          | 4           | 5,0       |
| 3. Chủ đề 2: Các thể của chất (4 tiết) | 1 (1 ý)   | 2           | 1 ( 2 ý)   | 1           |          |             |              |             | 2 (3 ý)          | 3           | 2,75      |
| 4. Chủ đề 3: Oxygen(3 tiết)            |           | 2           |            |             |          |             |              |             |                  | 2           | 0,5       |
| Số câu TN/ Số ý TL                     | 1 (1 ý)   | 12          | 2 (4 ý)    | 4           | 2 (2 ý)  |             | 1 (1 ý)      |             | 5 (7 ý)          | 16          |           |
| Điểm số                                | 1,0       | 3,0         | 2,0        | 1,0         | 2,0      |             | 1,0          |             | 6,0              | 4,0         | 10,0      |
| Tổng số điểm                           | 4,0 điểm  |             | 3,0 điểm   |             | 2,0 điểm |             | 1,0 điểm     |             |                  |             | 10,0 điểm |